TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2016/HSST
Ngày: 13/12/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Đình Hà - Hiệu trưởng Trường THCS Trần Quốc Tuấn, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bà Trần Thị Bích Vân - Phó giám đốc Trung tâm DS & KHHGĐ huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2016, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2016/HSST ngày 17/10/2016 đối với các bị cáo:

1. THÂN TRUNG T, sinh năm: 1984 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 4/12; con ông Thân Văn T, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 27/10/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

2. THÂN TRUNG V, sinh năm: 1979 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Công an viên xã S; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Thân Văn T, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958; Vợ là Võ Thị Thanh L, sinh năm: 1987 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2016 đến ngày 27/10/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

3. TRẦN VĂN C, sinh năm: 1985 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trần Văn K, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Hồng N, sinh năm: 1968; Vợ là Hồ ZDương N, sinh năm: 1990 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

4. TRẦN QUỐC Q, sinh năm: 1987 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn K, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Hồng N,

sinh năm: 1968; Vợ là Võ Thị V sinh năm: 1994 và có 01 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

5. TRẦN VĂN A, sinh năm: 1992 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Trần Văn K, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Hồng N, sinh năm: 1968; Vợ là Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm: 1997 và có 01 con chung; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

6. NGUYỄN VĂN T, sinh năm: 1981 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1944; Vợ là Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1985 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

7. HỒ KHÔNG K, sinh năm: 1994 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Hồ C, sinh năm: 1966 và bà Võ Thị X, sinh năm: 1970; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

8. ĐINH K, sinh năm: 1982 tại huyện T, tỉnh Bình Định

Trú tại: làng P, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Đinh S, sinh năm: 1949 và bà Đinh Thị H, sinh năm: 1952; Vợ là Đinh Thị D, sinh năm: 1982 và có 02 người con chung; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

9. ĐINH N, sinh năm: 1985 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Trú tại: làng P, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Đinh V (Đã chết) và bà Đinh Thị D, sinh năm: 1959; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

10. ĐINH Đ, sinh năm: 1992 huyện T, tỉnh Bình Định

Trú tại: làng K, xã V, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Đinh R, sinh năm: 1956 và bà Đinh Thị T, sinh năm: 1957; Vợ là Đinh Thị N, sinh năm: 1993 và có 01 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

11. ĐINH VĂN S, sinh ngày: 10/5/1999 huyện K, tỉnh Gia Lai

Trú tại: làng Đ, xã, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1980 và bà Đinh Thị T, sinh năm: 1979; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015 đến ngày 23/9/2016 cho bảo lĩnh tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

12. NGUYỄN ĐÌNH M, sinh năm: 1978 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai

Trú tại: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; con ông Nguyễn Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm:

1938; Vợ là Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1987 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

13. ĐINH D, sinh năm: 1995 huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: làng B, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đinh N, sinh năm: 1957 và bà Đinh Thị B, sinh năm: 1957; Vợ là Đinh Thị N, sinh năm: 1996; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đinh Văn S: bà Đinh Thị T, sinh năm: 1979; trú tại: làng Đ, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh K, Đinh N và Nguyễn Văn T: Ông Tống Đức Ngũ - Thuộc đoàn luật sự tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh Đ, Đinh D và Đinh Văn S: Bà Trương Thị Phụng - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: Ông Nguyễn Văn Minh - Giáo viên Trường dân tộc nội trú huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ Y - Đại diện ông: Trương Duy S, chức vụ: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Y. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn S, sinh năm 1970; trú tại: tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Sui K, sinh năm 1987; trú tại: làng G, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983; trú tại: tổ 8, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Huy V, sinh năm 1990; trú tại: tổ 7, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Hữu G, sinh năm 1967; trú tại: tổ 4, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

6. Ma Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại: tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 27/10/2015, thực hiện kế hoạch số 20/KH ngày 26/10/2015 của Ban quản lý rừng phòng hộ Y, tổ tuần tra gồm: Anh Nguyễn S - tổ trưởng và các thành viên gồm anh Nguyễn Hữu G, Ma Văn Đ, Nguyễn Thanh H, Siu K và Nguyễn Huy V, tiến hành kiểm tra rừng tại khoảnh 05, tiểu khu 641 thì phát hiện Đinh N, Đinh Đ, Đinh D, Đinh S đang có hành vi khai thác gỗ trái phép nên tổ công tác đã tiến hành lập biên bản tạm giữ 01 máy cưa lốc của Đinh N, đồng thời yêu cầu các đối tượng ra khỏi rừng. Sau đó anh S phân công các anh Siu K và anh Đại tiếp tục đi

kiểm tra một số địa điểm nghi có lấn chiếm đất rừng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày phát hiện chị Võ Thị Thanh L đang điều khiển xe mô tô chở cây keo con đi vào rừng, anh Đ yêu cầu chị L dừng lại để kiểm tra, chị L không chấp hành mà bỏ xe lại và chạy vào rừng để trốn. Sau đó chị L gọi điện thoại cho chồng là V nói vừa bị hai người đàn ông bịt khẩu trang chụp tay, đạp ngã xe nên V đi vào rẫy của Thân Trung T để rủ Tài và 05 người làm công cho T gồm: C, Q, A, T và K cùng đi vào rừng xem ai đã làm việc đó. V bảo C nói lại sự việc trên cho T biết rồi V chạy xe mô tô và cầm theo 01 cây rựa đi trước vào rừng.

Sau khi nghe C nói cho Tài biết sự việc, đồng thời lúc này chị L cũng gọi điện cho T, vì tức giận nên T rủ mọi người cùng đi vào rừng tìm người để đánh, tất cả đều đồng ý. Khi đi T cầm 01 cây rựa, những người còn lại cầm cây và đá. Trên đường đi vào rừng thì gặp K và S nên C rủ đi cùng thì K và S đồng ý cùng đi. Khi đến bóng cây sóng giá (gần rẫy V) thì mọi người ngồi dưới bóng cây để nghỉ, tại đây thấy Đinh N, Đinh Đ, Đinh D, Đinh S đi xe mô tô từ trong rừng ra trên xe chở hai khúc gỗ tròn, T hỏi N *"Có thấy 02 người đàn ông và 01 người phụ nữ đi vào trong đó không*", N nói *"Có 05 người cán bộ đang đi vào rừng, mới bị họ bắt máy cưa"*. Nghe vậy, T nói với mọi người *"Đi vào rừng tìm tổ bảo vệ đánh chết mẹ nó đi"*, vừa nói xong T quay lại phía sau thì thấy chị L đang đi bộ từ hướng ngoài vào, nhưng T và mọi người không chờ để hỏi chị L cho rõ sự việc mà đi thẳng vào trong rừng để tìm tổ bảo vệ rừng để đánh.

Trước đó khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, tổ tuần tra của Ban quản lý rừng phòng hộ Y phát hiện M và H mỗi người điều khiển 01 chiếc xe mô tô chở theo 06 khúc gỗ vuông và 01 máy cưa lốc, nên yêu cầu M và H dừng xe lại kiểm tra nhưng M và H bỏ xe mô tô, máy cưa và gỗ chạy vào rừng trốn. Tổ công tác tiến hành lập biên bản tạm giữ 02 xe mô tô, 01 máy cưa và lập biên bản tiêu hủy 06 khúc gỗ. Sau đó anh S phân công anh G vác máy cưa tạm giữ của M đi về đơn vị trước. Trong lúc anh S, Đ, S, V và H đang gom các tang vật còn lại để đem về đơn vị, thì lúc này nhóm của T đi đến phát hiện tổ công tác, T hô to "*Nó đây rồi anh em ơi, xông lên*", được T khởi xướng, V, C, Q, A, T, K, K, S, N, Đ và D cầm rựa, cây và nhặt đá đuổi theo ném về phía tổ bảo vệ. Khi bị đuổi đánh, anh Soát nói với T và đồng bọn *"Chúng tôi là cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y đang làm nhiệm vụ, yêu cầu các anh không được manh động"*. Do biết V nên anh H nói *"Ông V đừng có làm tầm bậy*", nhưng T và đồng bọn không dừng lại mà tiếp tục cầm hung khí xông về phía tổ công tác, nên anh H đã sử dụng hai bình xịt hơi cay xịt về phía T và đồng bọn. Thấy nhóm của T quá manh động nên anh S yêu cầu mọi người trong tổ công tác bỏ tang vật lại và chạy vào rừng trốn.

Khi tổ công tác chạy trốn vào rừng, T và đồng bọn tiếp tục cầm hung khí đuổi theo tìm đánh. Khi phát hiện thấy anh G đang vác máy cưa đi phía trước thì V cầm cây đánh vào tay anh G một cái, anh G bỏ máy cưa xuống đất, lúc này T chạy đến dùng tay nắm cổ áo anh G kéo đi một đoạn, cùng lúc đó M chạy đến dùng tay đánh nhiều cái vào người và mặt anh G, các đối tượng còn lại chạy đến đứng xung quanh anh G. V yêu cầu anh G lấy điện thoại ra gọi cho anh S và anh H nhưng

không liên lạc được, sau đó nhóm của T cho anh G về, rồi tất cả lấy tang vật (gồm 02 máy cưa lốc, 02 xe mô tô) đi về.

Tại Bản cáo trạng số 26/CTr-VKS ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn Tâ, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D về tội *"Chống người thi hành công vụ"* theo khoản 1 Điều 257 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D phạm tội *"Chống người thi hành công vụ"*

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thân Trung T từ 11 đến 14 tháng tù; Xử phạt bị cáo Thân Trung V từ 08 đến 12 tháng tù; Xử phạt các bị cáo Trần Văn A, Đinh Đ, Nguyễn Văn T, Đinh K và Đinh N từ 10 đến 13 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Trần Văn C, Trần Quốc Q và Hồ Không K từ 10 đến 13 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60, Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn S từ 10 đến 13 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M từ 08 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh D từ 08 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh K, Đinh N và Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để xử phạt các bị cáo bằng với thời hạn tạm giam.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh Đ, Đinh D và Đinh Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; của Bộ luật hình sự để xử các bị cáo Đinh Đ, áp dụng thêm Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Đinh Văn S bằng với thời hạn tạm giam. Áp dụng thêm khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh D hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 27/10/2015 các bị cáo cùng nhau vào rừng tại tiểu khu 641 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Y, với mục đích tìm cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y để đánh trả thù vì đã chặn xe máy chụp tay chị L là vợ của bị cáo V. Khi đi bị cáo V và Tâm mỗi người cầm 01 cây rựa, những bị cáo còn lại cầm cây và đá. Trong lúc các anh S, Đ, Siu K, V và H đang gom các tang vật đã bắt được của các đối tượng có hành vi phá rừng để đem về đơn vị, lúc này bị cáo T cùng với các bị cáo khác phát hiện tổ công tác thì bị cáo T hô to *"Nó đây rồi anh em ơi, xông lên"*, khi được bị cáo Tài khởi xướng các bị cáo V, C, Q, A, T, K, K, S, N, Đ và D cầm rựa, cây và nhặt đá đuổi đánh và ném về phía tổ bảo vệ. Khi bị đuổi đánh, anh S yêu cầu mọi người trong tổ công tác bỏ tang vật lại và chạy vào rừng để trốn. Khi tổ công tác chạy trốn vào rừng, bị cáo T và đồng bọn tiếp tục cầm hung khí đuổi theo tìm đánh. Sau đó khi phát hiện thấy anh G đang vác máy cưa đi phía trước thì các bị cáo V, T và M cùng tham gia đánh vào người và mặt làm anh G bị thương.

Qua lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với mọi tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D phạm tội: "*Chống người thi hành công vụ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 257 của Bộ luật hình sự. Như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Đối với Đinh So và Võ Thị Thanh L trước và trong quá trình bị cáo Thân Trung T và đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, không tham gia bàn bạc, không tham gia đánh cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y, nên không bị truy tố về tội *"Chống người thi hành công vụ"* là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo Thân Trung V và Nguyễn Đình M cùng đánh anh Nguyễn Hữu G phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã A, anh G yêu cầu V và M bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích. Sau khi nhận đủ số tiền bồi thường, anh G đã có đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo. Nên không xem xét hành vi cố ý gây thương tích là đúng quy định của pháp luật.

Để nhận xét và đánh giá hành vi, vai trò, tính chất, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

Xét hành vi của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo dùng hung khí gồm rựa, cây và đá để tấn công các anh S, G, Đ, H, Siu Kvà V là cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y với mục đích là để đánh trả thù vì cho rằng cán bộ dám nắm tay chị L, việc các bị cáo Đinh N và Nguyễn Đình M lấy lại tài sản gồm máy cưa, xe máy và gỗ do cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y bắt trước đó là ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo, khi cán bộ bỏ chạy để lại máy cưa, xe máy

và gỗ thì các bị cáo lấy lại tài sản của mình, các bị cáo không có ý thức chủ động việc đánh người để cướp lại tài sản bị bắt. Do đó việc không truy tố các bị cáo về tội cướp tài sản là hoàn toàn đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo đuổi đánh các cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y khi đang làm nhiệm vụ kiểm tra rừng là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của tổ công tác khi thi hành công vụ, cản trở hoạt động công tác và xâm phạm đến sức khỏe của những người đang thi hành công vụ, đồng thời hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong quá trình thực hiện hành vi mặt dù các bị cáo biết rõ các anh S, G, Đ, H, Siu K và V là cán bộ thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Y nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi, rõ ràng các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật.

Xét vai trò và tính chất của từng bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo T là người khởi xướng cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đuổi đánh các cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y, các bị cáo V, M, C, Q, A, T, K, K, S, N, Đ và D mặt dù cùng thực hiện hành vi nhưng khi có sự lôi kéo, kích động và khởi xướng của T, nên hành vi phạm tội của các bị cáo với vai trò đồng phạm giúp sức, được quy định tại Điều 20 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm đơn giản, trong quá trình thực hiện hành vi các bị cáo không có phân công vai trò cụ thể cho từng người, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính bộc phát tức thời, mức độ nguy hiểm của hành vi không cao nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt áp dụng tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Xét về nhân thân của các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với các bị cáo Thân Trung T và Thân Trung V có cha là ông Thân Văn T là thương binh. Bị cáo V là công an viên xã S, trong quá trình công tác đã có thành tích được Ủy ban nhân dân xã S và Ủy ban nhân dân thị xã A tặng giấy khen. Các bị cáo Trần Văn A, Đinh Đ và Đinh D đã có công phục vụ cho quân đội là bộ đội xuất ngũ. Các bị cáo Đinh Đ và Đinh D, Đinh K, Đinh Văn S và Đinh N là người đồng bào dân tộc thiểu số, bị cáo Nguyễn Văn T có nhược điểm về thể chất do đó các bị cáo ít hiểu biết về pháp luật dẫn đến hành vi phạm tội nên cần phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo Đinh Văn S khi phạm tội và xét xử bị cáo là vị thành niên hạn chế về nhận thức pháp luật nên khi quyết định hình phạt cần phải áp dụng Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này mặt dù mức độ nguy hiểm hành vi của các bị cáo không cao, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhưng trong quá trình điều tra đã tạm giam các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N và Đinh Đ, để điều tra

về tội *" Cướp tài sản"*, sau đó thay đổi điều tra tội danh khác ít nghiêm trọng hơn, nên thời hạn đã tạm giam trước đó đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà quyết định hình phạt bằng với thời gian đã tạm giam đối với các bị cáo mà vẫn có tác dụng răn đe và giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình M và Đinh D được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm đơn giản, mức độ nguy hiểm của hành vi không cao, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử các bị cáo hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là thỏa đáng mà vẫn có tác dụng giáo dục, trừng trị người phạm tội trong chính sách nhân đạo về hình sự của Nhà nước ta.

Vật chứng vụ án: Thu giữ 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 80cm, lưỡi dài 24cm, lưỡi nơi rộng nhất 04cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 73cm, lưỡi dài 20cm, lưỡi nơi rộng nhất 04cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 76cm, lưỡi dài 50cm, lưỡi nơi rộng nhất 4,5cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 77cm, lưỡi dài 47,5cm, lưỡi nơi rộng nhất 4,5cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 89cm, lưỡi dài 30cm, lưỡi nơi rộng nhất 05cm, có dây cao su đen cột trên cán gỗ ở phần tiếp giáp cán và lưỡi; 01 cây gỗ dài 101cm, đường kính trung bình 04cm; 01 cây gỗ dài 103cm, đường kính trung bình 06cm; 01 cục đá, hình dạng không xác định, kích thước (10 x 8 x 6,5)cm. Xét đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ một số đồ vật, tài sản có liên quan gồm: 01 chiếc xe mô tô không BKS, số máy: LC15FMH*00005516*, số khung bị hư hỏng; 01 chiếc xe mô tô BKS 81N2 – 1174, số máy 036085, số khung: X1220, bửng xe bị hư hỏng; 01 chiếc xe mô tô không BKS, số máy: VUMHTYGT50FMH*4C600861, số khung bị hư hỏng; 01 cưa máy màu cam trắng, nhãn hiệu "Elite015"; 01 cưa máy màu đỏ, phía trên có dòng chữ "GL5200M", số máy: 110/03593; 01 khúc gỗ kiền kiền dài 2,72m, đường kính đầu lớn 16cm, đầu nhỏ 12cm và 01 khúc gỗ sơn dài 3,39m; đường kính đầu lớn 20,9cm, đầu nhỏ 17,5cm. Xét thấy đây là tang vật do cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Y thu giữ được của các đối tượng trong quá trình kiểm tra rừng, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần phải giao trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Y để xử lý tang vật theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh Kh, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ, Nguyễn Đình M và Đinh D, phạm tội: *"Chống người thi hành công vụ"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: THÂN TRUNG T 10 (Mười) tháng 29 (Hai mươi chín) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

2. Xử phạt: THÂN TRUNG V 07 (Bảy) tháng 04 (Bốn) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

3. Xử phạt: TRẦN VĂN A 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

4. Xử phạt: ĐINH Đ 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

5. Xử phạt: NGUYỄN VĂN T 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

6. Xử phạt: ĐINH K 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

7. Xử phạt: ĐINH N 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

8. Xử phạt: TRẦN VĂN C 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

9. Xử phạt: TRẦN QUỐC Q 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

10. Xử phạt: HỒ KHÔNG K 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoan 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự.

11. Xử phạt: ĐINH VĂN S 09 (Chín) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, bằng với thời gian tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

12. Xử phạt: NGUYỄN ĐÌNH M 10 (mười) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời giam thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính kể từ ngày tuyên án là ngày 13/12/2016. Giao bị cáo Nguyễn Đình M cho Ủy ban nhân dân xã S , thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sat và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; Điều 20; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

13. Xử phạt: ĐINH D 10 (mười) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời giam thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính kể từ ngày tuyên án là ngày 13/12/2016.

Giao bị cáo Đinh D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các tang vật sau đây: 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 80cm, lưỡi dài 24cm, lưỡi nơi rộng nhất 04cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 73cm, lưỡi dài 20cm, lưỡi nơi rộng nhất 04cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 76cm, lưỡi dài 50cm, lưỡi nơi rộng nhất 4,5cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 77cm, lưỡi dài 47,5cm, lưỡi nơi rộng nhất 4,5cm; 01 con dao rựa, cán bằng gỗ dài 89cm, lưỡi dài 30cm, lưỡi nơi rộng nhất 05cm, có dây cao su đen cột trên cán gỗ ở phần tiếp giáp cán và lưỡi; 01 cây gỗ dài 101cm, đường kính trung bình 04cm; 01 cây gỗ dài 103cm, đường kính trung bình 06cm; 01 cục đá, hình dạng không xác định, kích thước (10 x 8 x 6,5)cm.

Trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Y các đồ vật, tài sản sau đây để xử lý theo quy định của pháp luật, gồm: 01 chiếc xe mô tô không BKS, số máy: LC15FMH*00005516*, số khung bị hư hỏng; 01 chiếc xe mô tô BKS 81N2 – 1174, số máy 036085, số khung: X1220, bửng xe bị hư hỏng; 01 chiếc xe mô tô không BKS, số máy: VUMHTYGT50FMH*4C600861, số khung bị hư hỏng; 01 cưa máy màu cam trắng, nhãn hiệu "Elite015"; 01 cưa máy màu đỏ, phía trên có dòng chữ "GL5200M", số máy: 110/03593; 01 khúc gỗ kiền kiền dài 2,72m, đường kính đầu lớn 16cm, đầu nhỏ 12cm và 01 khúc gỗ sơn dài 3,39m; đường kính đầu lớn 20,9cm, đầu nhỏ 17,5cm.

(*Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2016 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đak Pơ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Pơ*).

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Thân Trung T, Thân Trung V, Nguyễn Đình M, Trần Văn C, Trần Quốc Q, Trần Văn A, Nguyễn Văn T, Hồ Không K, Đinh K, Đinh Văn S, Đinh N, Đinh Đ và Đinh D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/12/2016. Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Pơ;
- Công an huyện Đak Pơ;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)